

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG NỀN TẢNG
VÀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN CONTAINER
(Chủ hàng – ADV – Sàn)**

Số:/HĐNT/2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ, vận tải đường bộ, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu, thanh toán không dùng tiền mặt và các quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ nhu cầu hợp tác giữa Các Bên trong việc sử dụng nền tảng ContainerGo để kết nối, điều phối, theo dõi, đối soát và thực hiện dịch vụ vận chuyển container đường bộ;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, Các Bên gồm có:

BÊN A: CHỦ HÀNG THAM GIA NỀN TẢNG

Tên đơn vị	
Địa chỉ	
Mã số thuế	
Đại diện	
Chức vụ	
Điện thoại	
Email	
Tài khoản ngân hàng	

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ADDED-VALUE

Địa chỉ	BT 4E - 11&12, Đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	0103683340
Đại diện	Nguyễn Xuân Trúc
Chức vụ	Tổng giám đốc
Điện thoại	0986839665
Tài khoản ngân hàng	0571100999002 - TMCP Quân đội, CN Hoàn Kiếm

BÊN C: CÔNG TY TNHH CONTAINERGO ADV-TCIS

Địa chỉ	Số nhà 329, Đường ống nước thô D2400mm, Khu phố Đông Tác, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
----------------	---

Mã số thuế	3703416984
Đại diện	Trần Văn Thái
Chức vụ	Giám đốc
Điện thoại	0981135379
Tài khoản ngân hàng	795888888889 - TMCP Quân đội, CN Nguyễn Tri Phương, TP.HCM

Bên A, Bên B và Bên C sau đây gọi riêng là “Bên”, gọi chung là “Các Bên”.

Điều 1. Giải thích vai trò và thuật ngữ

1.1. Trong Hợp đồng này:

- (i) Bên C là đơn vị sở hữu, quản trị và vận hành nền tảng ContainerGo; Bên C không phải là đơn vị vận chuyển trực tiếp hàng hóa và không phải là như đơn vị cung ứng trung gian thanh toán.
- (ii) Bên B là đầu mối thương mại, đơn vị tổ chức/điều phối dịch vụ vận chuyển và là bên phát hành hóa đơn dịch vụ vận chuyển cho Bên A theo cơ chế của Hợp đồng;
- (iii) Bên A là Chủ hàng tham gia nền tảng, là bên sử dụng dịch vụ vận chuyển và thanh toán cho dịch vụ phát sinh.

1.2. “Nền tảng” hoặc “ContainerGo” là hệ thống phần mềm, website, ứng dụng, API, cổng kết nối, cơ sở dữ liệu và các công cụ điện tử liên quan do Bên C quản lý, vận hành hoặc kiểm soát hợp pháp.

1.3. “Đơn hàng” là yêu cầu vận chuyển container được tạo lập/xác nhận trên nền tảng hoặc qua thông điệp dữ liệu hợp lệ, bao gồm tối thiểu điểm nhận, điểm giao, loại container, thời gian, giá cước, phụ phí, khoản chi hộ, yêu cầu vận hành và các điều kiện liên quan.

1.4. “Thông điệp dữ liệu” bao gồm email, log hệ thống, tin nhắn ứng dụng, API, xác nhận điện tử, ảnh chụp, dữ liệu vị trí, chứng từ điện tử và các dữ liệu số khác được tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ hợp lệ.

1.5. “POD” là chứng từ xác nhận giao nhận/hoàn tất giao dịch, có thể ở dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử hợp lệ theo quy trình của Bên B/Bên C.

1.6. “Bảng kê” là bảng tổng hợp giao dịch, giá trị thanh toán, phụ phí, khoản chi hộ, khoản khấu trừ, khoản bù trừ, thuế và các nghĩa vụ tài chính liên quan trong kỳ đối soát.

Điều 2. Mục đích, phạm vi hợp tác và nguyên tắc pháp lý

2.1. Các Bên thống nhất hợp tác để sử dụng nền tảng ContainerGo trong việc tạo đơn hàng, kết nối nhu cầu vận chuyển, phân bổ phương tiện, theo dõi trạng thái đơn hàng, đối soát và thanh toán các giao dịch vận chuyển container đường bộ.

2.2. Hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc. Giá cước, tuyến vận chuyển, thời gian thực hiện, yêu cầu riêng, phụ phí và khoản chi hộ được xác định theo báo giá, phụ lục, xác nhận giao dịch trên sàn hoặc thông điệp dữ liệu được Các Bên chấp thuận.

2.3. Hợp đồng này chỉ điều chỉnh dịch vụ vận chuyển container đường bộ và các nội dung liên quan trực tiếp đến giao dịch phát sinh trên nền tảng; không bao gồm các dịch vụ nâng hạ, lưu bãi, kho bãi, thủ tục hải quan hoặc dịch vụ khác trừ khi được ghi nhận rõ trong báo giá/xác nhận giao dịch.

2.4. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp đồng này và một xác nhận giao dịch cụ thể, xác nhận giao dịch cụ thể được ưu tiên áp dụng đối với giao dịch đó, với điều kiện không trái quy định pháp luật bắt buộc.

Điều 3. Điều kiện tham gia, thông tin đơn hàng và cam kết của Bên A

3.1. Bên A cam kết có đầy đủ tư cách pháp lý, thẩm quyền ký kết và năng lực tài chính phù hợp để thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và từng giao dịch.

3.2. Bên A có trách nhiệm duy trì đầy đủ, còn hiệu lực các hồ sơ, giấy tờ cần thiết theo quy định pháp luật và theo yêu cầu hợp lý của Bên B/Bên C, bao gồm nhưng không giới hạn ở giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh, mã số thuế, thông tin người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ, thông tin đầu mối đặt hàng/đối soát/thanh toán, tài khoản ngân hàng, thông tin xuất hóa đơn và các tài liệu khác có liên quan đến việc sử dụng dịch vụ trên Nền tảng.

Đối với từng giao dịch, Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin lô hàng/container, điểm nhận/giao, thời gian vận chuyển, loại container, số container/số seal nếu có, lệnh giao nhận, yêu cầu tại cảng/kho và các chứng từ cần thiết để Bên B/Bên C điều phối, vận chuyển và đối soát.

3.3. Bên A cam kết hàng hóa không thuộc danh mục cấm vận chuyển, không vi phạm pháp luật và có đầy đủ chứng từ cần thiết để thực hiện vận chuyển. Trường hợp hàng hóa có điều kiện, hàng nguy hiểm, hàng quá khổ/quá tải hoặc yêu cầu bảo quản đặc biệt, Bên A phải thông báo trước và cung cấp hướng dẫn/chứng từ phù hợp.

3.4. Bên A chịu trách nhiệm đối với thiệt hại, chi phí, xử phạt, chậm trễ hoặc khiếu nại phát sinh do thông tin sai, thiếu, chậm, chứng từ không hợp lệ hoặc yêu cầu giao nhận trái quy định pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tạo lập, xác nhận và thực hiện đơn hàng

4.1. Đơn hàng được tạo, xác nhận và quản lý trên nền tảng ContainerGo hoặc qua các kênh điện tử được Bên C chấp nhận như email, ứng dụng, API, tin nhắn hoặc văn bản điện tử khác.

4.2. Giao dịch phát sinh khi đơn hàng được xác nhận trên sàn hoặc được xác nhận điện tử hợp lệ bởi Bên A và Bên B/Bên C. Bên A không được viện dẫn lý do chưa có văn bản giấy để từ chối trách nhiệm đối với đơn hàng đã xác nhận hợp lệ bằng phương thức điện tử.

4.3. Sau khi tiếp nhận yêu cầu, Bên B và/hoặc Bên C thực hiện điều phối, phân bổ, xác nhận đơn hàng, khớp lệnh hoặc tìm nhà vận tải phù hợp để thực hiện giao dịch. Bên C hỗ trợ bằng công cụ nền tảng, ghi nhận dữ liệu, phân quyền, cảnh báo, lưu vết thông điệp dữ liệu và các hỗ trợ kỹ thuật liên quan; việc Bên C tham gia hỗ trợ kỹ thuật không làm phát sinh trách nhiệm của Bên C như một bên vận chuyển hoặc bên tổ chức vận chuyển, trừ phạm vi lỗi kỹ thuật thuộc sự kiểm soát trực tiếp của Bên C.

4.4. Trong quá trình thực hiện, trạng thái đơn hàng, mốc thời gian, chứng từ điện tử, POD, dữ liệu GPS và dữ liệu liên quan được cập nhật trên nền tảng để làm căn cứ theo dõi, đối soát và xử lý phát sinh.

4.5. Dữ liệu ghi nhận trên nền tảng của Bên C được xem là căn cứ ưu tiên để xác định trạng thái giao dịch, với điều kiện dữ liệu đó được trích xuất từ hệ thống gốc, còn nguyên vẹn và có thể kiểm tra đối chiếu. Trường hợp có chênh lệch hoặc tranh chấp, Các Bên phải đối chiếu đồng thời với POD, dữ liệu GPS, email/thông điệp dữ liệu, ảnh hiện trường, EIR/biên bản giao nhận (nếu có) và các chứng từ liên quan khác để xác định sự thật giao dịch.

4.6 Quy trình xử lý sự cố, issue và tổn thất trong quá trình vận chuyển

Khi phát sinh sự cố, issue, tổn thất, khiếu nại hoặc bất thường trong quá trình thực hiện đơn hàng, bao gồm nhưng không giới hạn: hủy chuyển, chậm giao, giao sai, sai điểm nhận/trả, sai thông tin đơn hàng, thiếu POD/GPS/EIR, thiếu hình ảnh/chứng từ, hư hỏng hàng hóa/container, sai/mất seal, phụ phí phát

sinh hoặc sai lệch dữ liệu/log hệ thống, Các Bên thực hiện theo **Quy trình kiểm soát issue/tổn thất trong quá trình vận chuyển** do Bên B/Bên C ban hành, thông báo hoặc cập nhật trong từng thời kỳ.

Bên A có trách nhiệm phối hợp xác minh, cung cấp chứng từ, hình ảnh, biên bản hiện trường, thông tin đơn hàng, chỉ dẫn giao nhận và các chứng cứ liên quan để làm rõ nguyên nhân, phạm vi ảnh hưởng và trách nhiệm của từng bên. Việc tạm giữ, khấu trừ, bồi thường hoặc yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh chỉ được thực hiện trên cơ sở chứng cứ hợp lệ, phạm vi lỗi thực tế và phần giá trị trực tiếp liên quan đến sự cố.

Đối với giao dịch nguyên container, nguyên seal, việc xác định trách nhiệm được xem xét trên cơ sở tình trạng container, số seal, POD, EIR, GPS, hình ảnh hiện trường, log hệ thống, biên bản giao nhận và các chứng cứ hợp lệ khác; không mặc nhiên xác định trách nhiệm của bất kỳ bên nào nếu chưa có đủ căn cứ chứng minh lỗi và mối liên hệ trực tiếp với tổn thất phát sinh.

Điều 5. Giá cước, phụ phí, khoản chi hộ và điều chỉnh giá

5.1. Giá cước vận chuyển và điều chỉnh theo biến động nhiên liệu

Giá cước vận chuyển của từng giao dịch được xác định theo Hợp đồng, phụ lục giá, báo giá, bảng giá, chính sách giá, xác nhận giao dịch trên Nền tảng hoặc thỏa thuận hợp lệ khác giữa Các Bên. Trường hợp Các Bên đã có thỏa thuận riêng về giá cố định, bảng giá riêng hoặc cơ chế điều chỉnh giá riêng theo từng khách hàng, tuyến vận chuyển hoặc giai đoạn áp dụng, giá cước và việc điều chỉnh giá được thực hiện theo thỏa thuận riêng đó.

Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác, giá cước vận chuyển được xác lập trên cơ sở đơn giá nhiên liệu dầu DO do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Petrolimex công bố tại thời điểm xác lập giá. Khi đơn giá nhiên liệu dầu DO do Petrolimex công bố tăng hoặc giảm quá 5% so với đơn giá nhiên liệu cơ sở dùng để xác lập giá cước hiện tại, giá cước vận chuyển được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá cước mới} = \text{Giá cước hiện tại} + (\text{Giá cước hiện tại}) \times 35\% \times \frac{(\text{Giá dầu mới} - \text{Giá dầu cơ sở})}{\text{Giá dầu cơ sở}}$$

Trong đó :

Giá dầu cơ sở là đơn giá dầu DO do Petrolimex công bố tại thời điểm xác lập giá cước hiện tại;

Giá dầu mới là đơn giá dầu DO do Petrolimex công bố tại thời điểm điều chỉnh;

35% là tỷ trọng chi phí nhiên liệu được Các Bên thống nhất dùng làm cơ sở tính mức điều chỉnh giá cước.

Căn cứ điều chỉnh giá là thông báo giá xăng dầu chính thức của Petrolimex được công bố trên website www.petrolimex.com.vn hoặc nguồn công bố chính thức khác của Petrolimex tại từng thời điểm. Giá cước điều chỉnh có hiệu lực kể từ thời điểm đơn giá nhiên liệu mới có hiệu lực theo thông báo của Petrolimex, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

Giá cước điều chỉnh chỉ áp dụng đối với các đơn hàng/chuyến vận chuyển chưa bắt đầu thực hiện, chưa điều xe thực tế, chưa nhận container/hàng hóa hoặc chưa được xác nhận ở trạng thái đang thực hiện/đang vận chuyển trên Nền tảng hoặc theo xác nhận vận hành tương ứng. Các chuyến vận chuyển đã bắt đầu thực hiện, đang vận chuyển, đã giao hàng hoặc đã hoàn tất trước thời điểm đơn giá nhiên liệu mới có hiệu lực không bị điều chỉnh hồi tố, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản hoặc xác nhận hợp lệ.

5.2. Ngoài giá cước vận chuyển, Bên A phải có trách nhiệm thanh toán các khoản phụ phí và khoản chi hộ hợp lệ phát sinh liên quan trực tiếp đến giao dịch nếu thuộc danh mục phụ phí/chi hộ do Bên B/Bên

C công bố hoặc đã được Bên A chấp thuận trước trên sàn, bằng email/thông điệp dữ liệu hợp lệ; trường hợp phát sinh khẩn cấp ngoài danh mục chuẩn thì Bên B phải có chứng từ hợp lệ và giải trình rõ căn cứ phát sinh.

5.3. Phụ phí và khoản chi hộ có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở phí nâng hạ, lưu bãi, chờ xe, đổi lệnh, cầu đường, phí vào cổng, phí hỗ trợ hiện trường, phí phát sinh do thay đổi kế hoạch hoặc các khoản thực tế khác có liên quan trực tiếp đến giao dịch; tuy nhiên, mỗi khoản phải có căn cứ tính, chứng từ và hồ sơ chứng minh hợp lệ tương ứng với tính chất phát sinh của khoản đó.

5.4. Trường hợp có biến động lớn về nhiên liệu, phí cầu đường, chính sách của cơ quan nhà nước hoặc điều kiện thị trường ảnh hưởng đáng kể đến giá cước, Các Bên sẽ trao đổi để điều chỉnh mức giá áp dụng cho các giao dịch tiếp theo.

5.5. Trừ khi có thỏa thuận khác, giá cước vận chuyển chưa bao gồm thuế GTGT; phụ phí và khoản chi hộ được thanh toán theo tính chất thực tế của từng giao dịch và chứng từ hợp lệ kèm theo.

5.6. Quy trình kiểm soát cước/tạm thu sửa chữa container khi trả rỗng tại depot

Đối với các giao dịch vận chuyển container có phát sinh việc trả rỗng tại depot, trường hợp depot, hãng tàu hoặc đơn vị liên quan yêu cầu cước, tạm thu, sửa chữa, vệ sinh, cleaning, detention hoặc khoản chi khác liên quan đến tình trạng container, Các Bên thực hiện theo **Quy trình kiểm soát cước/tạm thu sửa chữa container tại depot khi trả rỗng** do Bên B/Bên C ban hành, thông báo hoặc cập nhật trong từng thời kỳ.

Bên A có trách nhiệm phối hợp xác minh, cung cấp DO/eDO, Storing Order, thông tin depot trả rỗng, thời hạn free time/detention và các chứng từ liên quan; đồng thời phản hồi, phê duyệt hoặc xác nhận kịp thời đối với các khoản chi hộ/tạm ứng thuộc trách nhiệm của Bên A, kho, người nhận hàng, hãng tàu/depot hoặc trường hợp chưa đủ căn cứ xác định trách nhiệm tại thời điểm phát sinh. Việc Bên B, Bên C hoặc nhà vận tải thực hiện chi hộ/tạm ứng để giải phóng container, hàng hóa hoặc phương tiện không được xem là sự thừa nhận trách nhiệm cuối cùng của bên chi hộ.

Điều 6. Đối soát, hóa đơn và thanh toán

6.1. Việc đối soát được thực hiện theo từng chuyến sau khi chuyến hoàn tất, trên cơ sở trạng thái đơn hàng, POD, dữ liệu GPS, xác nhận điện tử, EIR/biên bản giao nhận/ảnh hiện trường (nếu có) và các chứng từ liên quan. Trường hợp giao dịch theo nguyên container, nguyên seal, chứng cứ về tình trạng container, số seal, thời điểm nhận/giao và biên bản bất thường tại hiện trường là căn cứ ưu tiên khi xác định trách nhiệm.

6.2. Dữ liệu của các chuyến đã đối soát được hệ thống tổng hợp vào bảng kê công nợ tháng và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của mỗi tháng dương lịch, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng email, phụ lục hoặc trên nền tảng.

6.3. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày bảng kê tháng được chốt, Bên A có trách nhiệm kiểm tra, phản hồi xác nhận hoặc nêu rõ nội dung cần điều chỉnh. Quá thời hạn này mà Bên A không có ý kiến thì bảng kê được xem là đã được chấp thuận.

6.4. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi bảng kê được xác nhận hoặc mặc nhiên được chấp thuận, Bên B phát hành hóa đơn cho Bên A theo giá trị phải thanh toán và quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

6.5. Thời hạn thanh toán của Bên A được thực hiện theo thời hạn được xác nhận trên sàn, theo báo giá, chính sách công nợ hoặc phụ lục thương mại áp dụng cho từng nhóm khách hàng. Trừ khi có thỏa thuận khác:

(i) đối với khách hàng lẻ, khách hàng không được cấp hạn mức công nợ hoặc giao dịch yêu cầu thanh toán ngay, Bên A có trách nhiệm thanh toán ngay sau khi hàng/container được giao hoàn tất hoặc ngay khi hệ thống phát sinh yêu cầu thanh toán hợp lệ;

(ii) đối với khách hàng lớn hoặc khách hàng được Bên B/Bên C chấp thuận hạn mức công nợ, thời hạn thanh toán tối đa là 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hóa đơn hợp lệ và bảng kê đã chốt; và

(iii) việc phân loại khách hàng, hạn mức công nợ, điều kiện khóa/mở công nợ hoặc yêu cầu thanh toán trước có thể được xác nhận bằng phụ lục, báo giá, email, thông điệp dữ liệu hoặc trên nền tảng.

6.6. Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Bên B thông báo hợp lệ tại Hợp đồng, phụ lục, báo giá, hóa đơn, bảng kê hoặc thông điệp dữ liệu được Các Bên chấp thuận. Nghĩa vụ thanh toán của Bên A được xem là hoàn tất khi số tiền thanh toán được ghi có vào tài khoản của Bên B, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

Mọi khoản phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền do Bên A chịu, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Bên A chậm thanh toán mà không có lý do tranh chấp hợp lệ, Bên B có quyền tính lãi chậm trả theo mức tối đa pháp luật cho phép, tạm dừng xác nhận đơn hàng mới và/hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ cho đến khi Bên A hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

6.7. Cơ chế giữ tiền, trích phí và phân chia dòng tiền giao dịch

(a) Bên A đồng ý rằng đối với các giao dịch được thanh toán thông qua tài khoản đảm bảo thanh toán, tài khoản giữ tiền giao dịch, ví/tài khoản định danh, cổng thanh toán hoặc giải pháp thanh toán do Bên B, Bên C hoặc đơn vị cung cấp giải pháp thanh toán được Bên B/Bên C chỉ định thông báo hợp lệ, số tiền Bên A thanh toán hoặc nạp vào sẽ được ghi nhận, giữ, đối soát và phân bổ theo từng giao dịch trên nền tảng.

(b) Số tiền được ghi nhận cho từng giao dịch có thể bao gồm: giá cước vận chuyển, phụ phí hợp lệ, khoản chi hộ hợp lệ, thuế, phí nền tảng/phí dịch vụ/phí xử lý thanh toán, khoản dự phòng phát sinh, khoản tạm giữ và các khoản điều chỉnh tăng/giảm khác theo báo giá, phụ lục, bảng kê hoặc xác nhận giao dịch trên nền tảng.

(c) Bên A đồng ý để Bên B và/hoặc đơn vị thanh toán được cấp phép do Bên B/Bên C chỉ định thực hiện việc trích phí, khấu trừ, bù trừ, hoàn tiền, phân bổ hoặc thanh toán theo dữ liệu giao dịch, bảng kê đối soát và xác nhận hợp lệ trên Nền tảng. Bên C chỉ cung cấp nền tảng, dữ liệu và hỗ trợ đối soát, không tự mình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc trực tiếp giữ, phân bổ, thanh toán tiền thay cho các bên, trừ khi có giấy phép/chấp thuận hợp lệ và thỏa thuận riêng bằng văn bản.

(d) Nguyên tắc phân chia dòng tiền được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác: thanh toán/hoàn trả các khoản chi hộ hợp lệ; trích thuế, phí ngân hàng, phí cổng thanh toán, phí nền tảng/phí dịch vụ nếu có; thanh toán phần giá trị dịch vụ vận chuyển cho nhà vận tải/đơn vị thực hiện vận chuyển; khấu trừ hoặc bù trừ các khoản phạt, bồi thường, công nợ, khoản tạm ứng hoặc nghĩa vụ tài chính hợp lệ; phần còn lại, nếu có, được hoàn trả hoặc xử lý theo xác nhận giao dịch/bảng kê.

(e) Việc giải ngân hoặc phân chia tiền chỉ được thực hiện khi giao dịch đã hoàn tất, có POD/chứng từ hợp lệ, dữ liệu giao dịch được ghi nhận đầy đủ trên nền tảng, bảng kê đã được xác nhận hoặc mặc nhiên được chấp thuận và không còn khoản tranh chấp/tạm giữ hợp lệ liên quan đến giao dịch đó.

(f) Trường hợp phát sinh hủy chuyển, no-show, thiếu chứng từ, thiếu POD, sai lệch dữ liệu, khiếu nại, nghĩa vụ bồi thường, khoản điều chỉnh giá hoặc dấu hiệu gian lận, Bên B/Bên C có quyền yêu cầu tiếp tục giữ lại toàn bộ hoặc một phần số tiền liên quan, điều chỉnh phân bổ dòng tiền hoặc hoàn trả cho Bên A sau khi vụ việc được xử lý xong.

(g) Đơn vị cung cấp giải pháp thanh toán, nếu có, chỉ tham gia trong phạm vi cung cấp giải pháp kỹ thuật, tài khoản thanh toán, thu hộ/chi hộ, giữ tiền giao dịch, đối soát hoặc hỗ trợ phân bổ dòng tiền theo thỏa thuận với Bên B/Bên C; không được hiểu là bên vận chuyển, bên sở hữu hàng hóa hoặc bên chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện dịch vụ vận chuyển, trừ khi có thỏa thuận riêng bằng văn bản.

Điều 7. Nghĩa vụ thuế, hóa đơn và chứng từ

7.1. Bên B chịu trách nhiệm phát hành hóa đơn cho Bên A đối với dịch vụ vận chuyển do Bên B cung cấp hoặc tổ chức cung cấp theo Hợp đồng và từng giao dịch được xác nhận.

7.2. Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin pháp lý, thông tin xuất hóa đơn, địa chỉ nhận hóa đơn điện tử và các thông tin cần thiết khác để Bên B phát hành hóa đơn đúng quy định.

7.3. Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, ghi nhận doanh thu/chi phí, lưu trữ hóa đơn, chứng từ và hồ sơ kế toán của mình theo quy định pháp luật.

7.4. Trường hợp Bên A yêu cầu điều chỉnh hóa đơn do thông tin do Bên A cung cấp sai, thiếu hoặc chậm, Bên A chịu trách nhiệm đối với chi phí, chậm trễ và hệ quả phát sinh, trừ khi lỗi thuộc Bên B.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

8.1. Bên A có quyền sử dụng nền tảng, yêu cầu cung cấp dịch vụ vận chuyển phù hợp, được cập nhật trạng thái đơn hàng, bảng kê, chứng từ và dữ liệu liên quan theo cơ chế của hệ thống.

8.2. Bên A có quyền yêu cầu giải trình, rà soát và xử lý khi có sai lệch, chậm trễ hoặc phát sinh bất thường; có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại trực tiếp nếu có căn cứ xác định lỗi thuộc Bên B hoặc bên trực tiếp thực hiện vận chuyển do Bên B tổ chức. Bên C chỉ chịu trách nhiệm bồi thường trong phạm vi lỗi kỹ thuật của nền tảng do Bên C trực tiếp kiểm soát và là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất hoặc chủ yếu gây ra thiệt hại.

8.3. Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin đơn hàng đầy đủ, chính xác; phối hợp giao/nhận hàng, bốc dỡ, kiểm đếm, ký nhận, xác nhận hiện trường và xử lý phát sinh khi cần.

8.4. Bên A có nghĩa vụ kiểm tra, phản hồi bảng kê đúng thời hạn và thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo Hợp đồng, phụ lục hoặc xác nhận trên sàn.

8.5. KPI/SLA áp dụng đối với Bên A

Bên A có trách nhiệm tuân thủ các chỉ tiêu KPI/SLA áp dụng cho Chủ hàng trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Kết quả KPI/SLA được đánh giá theo chu kỳ hằng tháng trên cơ sở dữ liệu ghi nhận trên Nền tảng, log hệ thống, bảng kê, chứng từ thanh toán, POD, EIR, ticket xử lý issue, biên bản hiện trường, email, thông điệp dữ liệu và các tài liệu hợp lệ khác.

STT	Chỉ tiêu KPI	Định nghĩa/Cách đo	Mức tiêu chuẩn	Biện pháp xử lý khi vi phạm
1	Tỷ lệ hủy chuyển/cont hàng	Số chuyển/cont hàng bị Chủ hàng hủy sau xác nhận ÷ Tổng số chuyển/cont hàng đã xác nhận đầu thầu thành công trong kỳ.	≤ 5%	Chủ hàng thanh toán các chi phí phát sinh hợp lý do việc hủy chuyển gây ra, nếu có chứng từ/chứng cứ hợp lệ; Bên B/Bên C có quyền giảm mức độ ưu tiên tiếp nhận đơn hàng hoặc yêu cầu đặt cọc/thanh toán trước đối với các giao dịch tiếp theo.

2	Tuân thủ SLA thời gian lên/xuống hàng tại kho/nhà máy	Số chuyển,cont hàng có thời gian lên xuống hàng vượt quá $SLA \div \text{Tổng số chuyển/cont hàng thực hiện trong kỳ.}$	$\leq 5\%$	Chủ hàng thanh toán phí chờ xe, neo xe, lưu container hoặc chi phí phát sinh hợp lý theo bảng giá, báo giá hoặc xác nhận giao dịch; trường hợp tái diễn, Bên B/Bên C có quyền điều chỉnh điều kiện phục vụ hoặc chính sách giá.
3	Tỷ lệ tuân thủ SLA phản hồi đối soát POD/ bảng kê	Số yêu cầu phản hồi đúng SLA (đối soát, xác nhận POD) $\div$ Tổng số yêu cầu thuộc diện phải phản hồi trong kỳ.	$\geq 95\%$	Quá thời hạn phản hồi mà Chủ hàng không có ý kiến hợp lệ thì POD/bảng kê được xem là đã được chấp thuận; các điều chỉnh phát sinh sau thời hạn phản hồi chỉ được xem xét nếu có chứng cứ hợp lệ và được Bên B/Bên C chấp thuận.
4	Tỷ lệ thanh toán đúng hạn	Giá trị hoặc số hóa đơn/bảng kê được thanh toán đúng hạn $\div$ Tổng giá trị hoặc tổng hóa đơn/bảng kê đến hạn trong kỳ.	$\geq 98\%$	Bên B có quyền tạm dừng xác nhận đơn hàng mới, thu hẹp hoặc tạm dừng hạn mức công nợ, yêu cầu thanh toán trước, tính lãi chậm trả và/hoặc áp dụng biện pháp thu hồi công nợ theo Hợp đồng.

Các trường hợp bất khả kháng, lỗi hệ thống, lỗi của bên thứ ba hoặc nguyên nhân khách quan nằm ngoài phạm vi kiểm soát hợp lý của Bên A sẽ không được tính là vi phạm KPI/SLA của Bên A, với điều kiện Bên A đã thông báo kịp thời và cung cấp chứng cứ phù hợp.

Trường hợp Bên A không đạt KPI/SLA, Bên B/Bên C có quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp quản lý phù hợp, bao gồm: nhắc nhở, yêu cầu giải trình, yêu cầu khắc phục, điều chỉnh điều kiện phục vụ, điều chỉnh mức độ ưu tiên tiếp nhận đơn hàng, tạm dừng xác nhận giao dịch mới, thu hẹp hoặc tạm dừng hạn mức công nợ, yêu cầu thanh toán trước hoặc áp dụng biện pháp khác theo Hợp đồng.

Việc áp dụng phạt vi phạm, khấu trừ, bồi thường hoặc yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh chỉ được thực hiện khi có căn cứ xác định lỗi, nghĩa vụ tài chính hoặc thiệt hại trực tiếp, hợp lý và có chứng từ chứng minh.

8.6. Trong thời hạn Hợp đồng và 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt, Bên A không được sử dụng thông tin, dữ liệu, giá cước, đơn hàng, tuyến vận chuyển, khách hàng, nhà vận tải, 3PL, chủ hàng, nhà cung cấp, đối tác hoặc bất kỳ đầu mối giao dịch nào do Bên B/Bên C cung cấp, giới thiệu, kết nối hoặc phát sinh từ Nền tảng để giao dịch trực tiếp ngoài hệ thống nhằm né tránh Nền tảng, phí dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán, đối soát hoặc các nghĩa vụ khác với Bên B/Bên C; quy định này không áp dụng đối với các mối quan hệ đã tồn tại độc lập trước khi được chia sẻ trên Nền tảng, các giao dịch do Bên A tự phát triển độc lập mà không sử dụng thông tin/dữ liệu của Nền tảng, hoặc trường hợp được Bên B/Bên C chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B và Bên C

9.1. Bên B có trách nhiệm tiếp nhận, điều phối, tổ chức thực hiện các đơn hàng đã xác nhận; là đầu mối thương mại, ký hoặc tiếp nhận giao dịch với Bên A, phát hành hóa đơn cho Bên A và chịu trách nhiệm đầu mối với Bên A về việc tổ chức thực hiện dịch vụ vận chuyển theo Hợp đồng. Quan hệ giữa Bên B với nhà vận tải thực tế là quan hệ nội bộ do Bên B tự tổ chức và không làm thay đổi quyền yêu cầu của Bên A đối với Bên B theo Hợp đồng này.

9.2. Bên B có quyền yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, chứng từ, xác nhận hiện trường, hướng dẫn giao nhận và các tài liệu cần thiết để thực hiện đơn hàng.

9.3. Bên C có trách nhiệm duy trì, quản trị và vận hành nền tảng ContainerGo; ghi nhận dữ liệu giao dịch; hỗ trợ tra cứu trạng thái, đối soát, cảnh báo, lưu vết thông điệp dữ liệu và hỗ trợ người dùng trong phạm vi hợp lệ.

9.4. Bên C có quyền ban hành hoặc cập nhật quy chế sử dụng nền tảng, biểu mẫu điện tử, chuẩn dữ liệu, quy trình vận hành, chính sách tài khoản và API kết nối.

9.5. Bên B/Bên C không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh từ việc Bên A hoặc bên liên quan cung cấp sai thông tin đơn hàng, hàng hóa không hợp pháp, chứng từ không đầy đủ hoặc yêu cầu giao nhận trái quy định pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm hàng hóa, bảo hiểm và khiếu nại

10.1. Bên B là đầu mối chịu trách nhiệm hợp đồng với Bên A đối với việc tổ chức thực hiện dịch vụ vận chuyển; bên vận chuyển thực tế chịu trách nhiệm trực tiếp với Bên B theo thỏa thuận nội bộ giữa họ đối với giao dịch nguyên container, nguyên seal, trách nhiệm đối với tổn thất, thiếu hụt, hư hỏng hàng hóa được xem xét trên cơ sở tình trạng vỏ container, số seal, EIR hoặc biên bản giao nhận, ảnh hiện trường, POD và các chứng từ liên quan.

10.2. Trường hợp xảy ra mất mát, hư hỏng, giao sai, chậm giao hoặc phát sinh chi phí do lỗi của bên vận chuyển thực tế hoặc lỗi tổ chức điều phối thuộc Bên B, Bên B chịu trách nhiệm đầu mối giải quyết với Bên A và có quyền truy đòi bên vận chuyển thực tế hoặc bên có lỗi liên quan. Mức bồi thường chỉ áp dụng đối với thiệt hại thực tế, trực tiếp, hợp lý và có chứng từ chứng minh; không áp dụng đối với thiệt hại gián tiếp, trừ trường hợp pháp luật bắt buộc.

10.3. Bên A có trách nhiệm thông báo đầy đủ giá trị, tính chất, điều kiện bảo quản và rủi ro đặc thù của hàng hóa để Bên B và nhà vận tải xem xét phương án vận hành, điều kiện nhận hàng và yêu cầu bảo hiểm phù hợp. Trừ khi được ghi nhận rõ trong báo giá hoặc xác nhận giao dịch, giá cước không mặc nhiên bao gồm bảo hiểm hàng hóa.

10.4. Bên A phải thông báo khiếu nại liên quan đến mất mát, hư hỏng hoặc thiếu hụt hàng hóa ngay khi phát hiện và không muộn hơn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất giao hàng, trừ khi pháp luật hoặc xác nhận giao dịch cụ thể quy định thời hạn khác; riêng các khiếm khuyết, mất mát hoặc sai khác có thể nhận biết ngay tại thời điểm giao nhận phải được ghi nhận trên POD, biên bản hiện trường hoặc thông điệp dữ liệu hợp lệ tại thời điểm phát hiện.

10.5. Bên C là đơn vị vận hành nền tảng, không trực tiếp là bên vận chuyển, không trực tiếp chiếm hữu hàng hóa và không chịu trách nhiệm đối với mất mát, hư hỏng, chậm giao hoặc nghĩa vụ bồi thường của dịch vụ vận chuyển, trừ phần thiệt hại trực tiếp được chứng minh là phát sinh chủ yếu từ lỗi kỹ thuật của nền tảng do Bên C kiểm soát.

Điều 11. Kiểm tra, đối chiếu dữ liệu và quyền giám sát

11.1. Trong thời hạn Hợp đồng và trong thời gian hợp lý sau khi Hợp đồng chấm dứt để phục vụ đối soát, thuế, kiểm toán hoặc giải quyết tranh chấp, Các Bên có trách nhiệm phối hợp cung cấp hồ sơ, chứng từ, log, dữ liệu và giải trình liên quan đến giao dịch đã thực hiện.

11.2. Bên được yêu cầu có trách nhiệm phản hồi trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu hợp lệ, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc có thỏa thuận khác.

11.3. Việc một Bên kiểm tra, xác minh hoặc không kiểm tra hồ sơ của Bên còn lại không làm giảm trừ trách nhiệm độc lập của Bên cung cấp đối với tính chính xác, hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đó.

Điều 12. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và giới hạn trách nhiệm

12.1. Trường hợp một Bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản theo Hợp đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp phù hợp, bao gồm: yêu cầu khắc phục vi phạm, tạm dừng giao dịch, tạm dừng xác nhận đơn hàng, tạm giữ hoặc cản trở thanh toán, tạm khóa tài khoản, chấm dứt Hợp đồng, áp dụng phạt vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

12.2. Đối với các hành vi hủy chuyển trái quy định, no-show, tự ý chuyển giao đơn hàng, cung cấp sai hoặc thiếu thông tin đơn hàng/hàng hóa/chứng từ, chậm thanh toán không có lý do hợp lệ, vi phạm bảo mật, lách sàn, sử dụng sai dữ liệu Nền tảng hoặc hành vi khác gây rủi ro đáng kể cho giao dịch, hệ thống, khách hàng, đối tác hoặc uy tín của Bên còn lại, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng phạt vi phạm theo mức tối đa pháp luật cho phép trên phần nghĩa vụ bị vi phạm, đồng thời không loại trừ quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh.

12.3. Trách nhiệm bồi thường chỉ áp dụng đối với thiệt hại thực tế, trực tiếp, hợp lý và có chứng từ, tài liệu hoặc dữ liệu hợp lệ chứng minh. Không Bên nào phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gián tiếp, mất lợi nhuận, mất cơ hội kinh doanh, tổn thất uy tín hoặc các thiệt hại mang tính suy đoán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc thiệt hại phát sinh do hành vi gian lận, cố ý vi phạm, vi phạm bảo mật hoặc lách sàn.

12.4. Trách nhiệm của mỗi Bên được xác định độc lập theo phạm vi nghĩa vụ, vai trò thực tế, mức độ lỗi và thiệt hại trực tiếp do Bên đó gây ra; không Bên nào chịu trách nhiệm thay hoặc liên đới đối với nghĩa vụ của Bên còn lại, trừ khi có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

Bên sử dụng dịch vụ chịu trách nhiệm về thông tin đơn hàng, tính hợp pháp của hàng hóa/chứng từ và nghĩa vụ thanh toán; bên trực tiếp vận chuyển chịu trách nhiệm về phương tiện, tài xế, hàng hóa/container, tiến độ, POD, chứng từ và dữ liệu vận hành; Bên B chịu trách nhiệm trong phạm vi đầu mối thương mại, điều phối, đối soát, thanh toán; Bên C chịu trách nhiệm trong phạm vi vận hành Nền tảng và lỗi kỹ thuật do Bên C trực tiếp kiểm soát.

Trừ trường hợp gian lận, cố ý vi phạm, vi phạm bảo mật, lách sàn, hồ sơ giả, vi phạm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ thanh toán đã đối soát/xác nhận hoặc gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tổng trách nhiệm bồi thường của mỗi Bên không vượt quá tổng giá trị các giao dịch trực tiếp liên quan trong 06 tháng gần nhất; riêng trách nhiệm của Bên C đối với lỗi kỹ thuật Nền tảng không vượt quá tổng phí nền tảng/phí công nghệ Bên C thực nhận từ các giao dịch đó.

Điều 13. Dữ liệu, bảo mật, tài khoản và chống lách sàn

13.1. Các Bên đồng ý sử dụng email, thông báo trên nền tảng, ứng dụng, API, tin nhắn hoặc các phương thức điện tử khác để tạo đơn, xác nhận giao dịch, cập nhật trạng thái, gửi bảng kê, phản hồi đối soát và trao đổi vận hành. Các Bên thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu theo Luật Giao dịch điện tử 2023.

13.2. Thông điệp dữ liệu, log hệ thống, lịch sử thao tác, email công vụ, dữ liệu GPS, API logs, POD điện tử, ảnh hiện trường và dữ liệu điện tử được trích xuất từ ContainerGo có giá trị làm căn cứ xác minh giao dịch và chứng cứ khi cần thiết theo quy định pháp luật. Khi phát sinh tranh chấp, thứ tự ưu tiên đối chiếu gồm: (i) log hệ thống gốc của ContainerGo; (ii) POD, EIR, biên bản giao nhận hoặc ảnh hiện trường; (iii) dữ liệu GPS và API logs; (iv) email công vụ và thông điệp dữ liệu liên quan, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác cho giao dịch cụ thể.

13.3. Các Bên có trách nhiệm bảo mật tài khoản, mật khẩu, khóa kết nối, dữ liệu khách hàng, dữ liệu nhà vận tải, lịch sử giá, thông tin vận hành và không được chia sẻ cho bên thứ ba trái phép. Mỗi Bên tự

chịu trách nhiệm trong phạm vi dữ liệu do mình kiểm soát trực tiếp; trường hợp một Bên xử lý dữ liệu thay mặt Bên khác thì chỉ được xử lý theo phạm vi, mục đích và chỉ dẫn hợp pháp của Bên đó. Khi phát sinh sự cố dữ liệu có khả năng ảnh hưởng đến Bên còn lại, Bên phát hiện phải thông báo trong thời gian sớm nhất hợp lý.

13.4. Không Bên nào được sử dụng dữ liệu, thông tin khách hàng hoặc nhà vận tải, tuyến vận chuyển, lịch sử giá, đầu mối vận hành hoặc thông tin khác có được từ nền tảng để giao dịch trực tiếp ngoài hệ thống nhằm né tránh Bên B hoặc Bên C, trừ trường hợp chứng minh được quan hệ đó đã tồn tại độc lập trước thời điểm tiếp cận thông tin từ nền tảng hoặc được Bên có quyền chấp thuận bằng văn bản.

13.5. Nghĩa vụ bảo mật và chống lách sàn tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn Hợp đồng và 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt. Việc chấm dứt Hợp đồng không làm chấm dứt các nghĩa vụ đã phát sinh trước ngày chấm dứt, bao gồm đối soát, thanh toán, cung cấp chứng từ, xử lý khiếu nại, bồi thường và giải quyết tranh chấp. Nghĩa vụ lưu trữ log, chứng từ điện tử và dữ liệu giao dịch được duy trì trong 12 tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch cuối cùng, hoặc theo thời hạn dài hơn nếu pháp luật bắt buộc. Việc lưu trữ và cung cấp dữ liệu chỉ thực hiện trong phạm vi cần thiết, phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu và quy định pháp luật.

Điều 14. Bất khả kháng

14.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của Bên bị ảnh hưởng, không thể lường trước và không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở thiên tai, cháy nổ lớn, chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh nghiêm trọng, quyết định của cơ quan nhà nước, sự cố hạ tầng giao thông hoặc sự cố hệ thống trên diện rộng ngoài khả năng kiểm soát của Bên liên quan.

14.2. Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên còn lại trong thời hạn sớm nhất có thể và nỗ lực tối đa để giảm thiểu thiệt hại. Nghĩa vụ bị ảnh hưởng được tạm hoãn trong phạm vi và thời gian chịu tác động trực tiếp của sự kiện bất khả kháng.

14.3. Bất khả kháng không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản đã phát sinh, nghĩa vụ bảo mật, nghĩa vụ cung cấp chứng từ và các nghĩa vụ khác theo bản chất vẫn phải tiếp tục thực hiện.

Điều 15. Hiệu lực, chấm dứt, giải quyết tranh chấp và điều khoản cuối cùng

15.1. Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký điện tử hoặc ngày ký trực tiếp đầu tiên. Nếu hết thời hạn mà Các Bên vẫn tiếp tục giao dịch và không có văn bản chấm dứt thì Hợp đồng được gia hạn tự động từng năm.

15.2. Mỗi Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên còn lại vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cơ bản và không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu khắc phục; hoặc khi một Bên không còn đủ điều kiện pháp lý để tiếp tục thực hiện Hợp đồng; hoặc khi việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng có nguy cơ làm một Bên vi phạm quy định bắt buộc của pháp luật.

15.3. Khi Hợp đồng chấm dứt, Các Bên vẫn phải hoàn tất các nghĩa vụ còn tồn đọng về đối soát, bảng kê, hóa đơn, thanh toán, bảo mật, bồi thường, thuế và xử lý dữ liệu phát sinh trước ngày chấm dứt.

15.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng thiện chí trong vòng 30 ngày. Nếu không đạt được thỏa thuận, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh VCCI theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC; địa điểm trọng tài tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; ngôn ngữ tổ tụng là tiếng Việt; luật áp dụng là pháp luật Việt Nam. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ không bị tranh chấp. Mỗi Bên vẫn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm

quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ dữ liệu, chứng cứ, hàng hóa hoặc quyền tài sản hợp pháp của mình.

15.5. Các Bên thống nhất rằng Hợp đồng này, phụ lục, báo giá, đơn hàng điện tử, kết quả khớp lệnh trên sàn, bảng kê, email xác nhận và các thông điệp dữ liệu hợp lệ khác là toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan đến nội dung hợp tác.

15.6. Hợp đồng có thể được ký bằng chữ ký số, chữ ký điện tử hoặc bằng phương thức xác nhận điện tử trên nền tảng. Hợp đồng và tài liệu điện tử được xác lập hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản giấy theo quy định pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau nếu ký bản giấy; trường hợp ký điện tử, mỗi Bên được quyền lưu trữ một bản điện tử để thực hiện.

BÊN A CHỦ HÀNG	BÊN B CÔNG TY CỔ PHẦN ADDED-VALUE	BÊN C CÔNG TY TNHH CONTAINERGO ADV-TCIS
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)